

QUYẾT ĐỊNH

Về mức thu và tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản; mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 192/2015/NQ-HĐND ngày 22/01/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về mức thu và tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản; mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại tờ trình số 590/TTr-STC ngày 10/3/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu, tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản; mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Long An, như sau:

1. Đối tượng thu

a) Tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ phải nộp phí đấu giá tài sản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp.

b) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ phải nộp phí tham gia đấu giá tài sản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản.

2. Mức thu phí

a) **Phí đấu giá tài sản; phí tham gia đấu giá tài sản**

- **Mức thu phí đấu giá tài sản**

+ Trường hợp bán đấu giá tài sản thành thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá, theo quy định như sau:

TT	Giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá	Mức thu
1	Dưới 50 triệu đồng	5% giá trị tài sản bán được
2	Từ 50 triệu đến 1 tỷ đồng	2,5 triệu đồng + 1,5% giá trị tài sản bán được quá 50 triệu đồng
3	Từ trên 1 tỷ đến 10 tỷ đồng	16,75 triệu đồng + 0,2% giá trị tài sản bán được vượt 1 tỷ đồng
4	Từ trên 10 tỷ đến 20 tỷ đồng	34,75 triệu đồng + 0,15% giá trị tài sản bán được vượt 10 tỷ đồng
5	Từ trên 20 tỷ đồng	49,75 triệu đồng + 0,1% giá trị tài sản bán được vượt 20 tỷ đồng. Tổng số phí không quá 300 triệu đồng /cuộc đấu giá

+ Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, người có tài sản bán đấu giá, cơ quan thi hành án, cơ quan tài chính thanh toán cho tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản các chi phí thực tế, hợp lý quy định tại Điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

- Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản

Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá theo quy định như sau:

TT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống	50.000
2	Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	150.000
4	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
5	Trên 500 triệu đồng	500.000

- Tỷ lệ (%) trích để lại trên tổng số tiền thu phí

+ Tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại cho đơn vị thu: 50% (năm mươi phần trăm) trên tổng số tiền thu phí.

+ Tỷ lệ phần trăm (%) trích nộp ngân sách nhà nước: 50% (năm mươi phần trăm) trên tổng số tiền thu phí.

b) Phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

STT	Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200 triệu đồng trở xuống	100.000
2	Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
3	Từ trên 500 triệu đồng	500.000

- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất ngoài trường hợp nêu trên:

STT	Diện tích đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	1.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	3.000.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	4.000.000
4	Từ trên 5 ha	5.000.000

- Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại toàn bộ tiền phí tham gia đấu giá đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức phiên bán đấu giá.

3. Quản lý và sử dụng phí

3.1. Việc quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản được thực hiện như sau:

a) Hội đồng bán đấu giá tài sản được sử dụng số tiền phí thu được của người tham gia đấu giá để trang trải các chi phí cho Hội đồng đấu giá tài sản, nếu thừa nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản thu được như sau:

- Trường hợp Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản đã được ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí cho việc bán đấu giá thì phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Trường hợp Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tự bảo đảm một phần chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá thì được để lại 50% số tiền phí thu được để trang trải cho việc bán đấu giá, còn lại 50% nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

c) Đối với đơn vị thu phí là doanh nghiệp bán đấu giá tài sản (trừ đấu giá quyền sử dụng đất): Phí đấu giá, phí tham gia đấu giá thu được là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hàng năm, đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

3.2. Việc quản lý và sử dụng phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài

chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các ngành chức năng liên quan hướng dẫn thực hiện quyết định này. Kiểm tra chế độ thu, nộp và chế độ sử dụng theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Phòng NC(KT+TH+NC);
- Lưu: VT, Ngan.

QD-STC-PHI DAU GIA TAI SAN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm